

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-PT
Ngày 15 - 3 - 2018
V/v ly hôn giữa chị Th1 và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Tăng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo;

Ông Bùi Tiến Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Tĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018 tại phòng xét xử - Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2017/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Do bản án sơ thẩm số 45/2017/HNGĐ-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2018/QĐ - PT ngày 03/01/2018 và các quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐ-PT ngày 19/01/2018, số 10/2018/QĐ-PT ngày 26/02/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1995

HKTT: Thôn N, xã K, huyện H, tỉnh Thái Bình;

Địa chỉ nơi ở: Thôn L, xã K, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Lương Văn T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Ng, xã K, huyện H, tỉnh Thái Bình;

3. Người kháng cáo: Anh Lương Văn T là bị đơn.

(Chị Th1 vắng mặt, anh T có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị Th1 tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Lương Văn T tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 06/9/2013 (Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2013). Sau khi kết hôn một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh T thường xuyên chơi bời, không chịu tu chí làm ăn và đánh đập chị. Tháng 5/2017 chị sống ly thân với anh T, mỗi người một nơi. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nên chị xin ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lương Minh Th2, sinh ngày 23/01/2014. Khi vợ chồng ly hôn chị Th1 đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T góp cấp dưỡng nuôi con chung. Lý do chị Th1 mong muốn nuôi con vì cháu Th2 mới trên 36 tháng tuổi, anh T không cùng giới tính với con chung nên khả năng chăm sóc cháu Th2 chị Th1 khẳng định sẽ chăm sóc tốt hơn về mọi mặt.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Lương Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Nguyễn Thị Th1 trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 12/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống hàng ngày, thường xuyên cãi, chửi nhau. Tháng 5/2017 do mâu thuẫn nên chị Th1 bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng anh sống ly thân từ đó đến nay. Anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị Th1.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lương Minh Th2, sinh ngày 23/01/2014. Khi vợ chồng ly hôn anh T đề nghị được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị Th1 góp cấp dưỡng nuôi con chung. Lý do anh T không muốn giao con cho chị Th1 trực tiếp nuôi dưỡng vì chị Th1 cùng gia đình không đủ tư cách đạo đức để chăm sóc cháu Th2.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án sơ thẩm số 45/2017/HNGĐ-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện H đã áp dụng Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, điểm d Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th1 và anh Lương Văn T.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Th1 và anh Lương Văn T có 01 con chung Lương Minh Th2, sinh ngày 23/01/2014. Giao con chung là cháu Lương Minh Th2, sinh ngày 23/01/2014 cho chị Th1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Th1 không yêu cầu anh T góp cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/9/2017, anh Lương Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung, yêu cầu Tòa án giao con chung Lương Minh Th2 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị Th1 cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Anh không đồng ý giao con chung cho chị Th1 trực tiếp nuôi dưỡng vì chị Th1 không có việc làm, không có thu nhập ổn định, không có nơi ở riêng nên không thể đảm bảo điều kiện nuôi con. Theo anh, gia đình chị Th1 có hoàn cảnh phức tạp, bố đẻ chị Th1 đã kết hôn 02 lần, anh trai nghiện ma túy, hiện đang chấp hành hình phạt tù, chị gái chưa có chồng nhưng đã có con, không phải là môi trường tốt cho cháu Th2 phát triển. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2017, thời gian đầu chị Th1 còn về thăm cháu Th2 nhưng sau đó thì không về thăm con nữa. Bản thân anh và gia đình không gây cản trở, khó khăn cho chị Th1 khi đến thăm con chung. Hiện nay, cháu Lương Minh Th2 đang sống ổn định cùng với anh và bố mẹ anh, được chăm sóc tốt, phát triển khỏe mạnh bình thường. Anh T là thợ xây, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng

8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Trong thời gian anh đi làm không có ở nhà, bố mẹ đẻ anh sẽ thay anh chăm sóc cháu Th2.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/01/2018 tại Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình, chị Nguyễn Thị Th1 không đồng ý với kháng cáo của anh T. Chị đề nghị Tòa án giao con chung Lương Minh Th2 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị Th1 đang làm ăn, sinh sống tại tỉnh Bình Dương, chị Th1 xác nhận anh trai chị có nghiện ma túy nhưng đang chấp hành án phạt tù, khoảng tháng 4/2018 thì chấp hành xong hình phạt tù trở về nhà.

Theo công văn số 07/CV-UBND ngày 17/01/2018 của UBND xã K, huyện H, tỉnh Thái Bình và các biên bản xác minh của xã xác định: Anh T đi làm xây dựng trên Hà Nội, thu nhập 500.000 đồng/ngày. Chị Th1 hiện làm nghề nhặt hái cà phê tại tỉnh Lâm Đồng. Chị Th1, anh T đều không vi phạm pháp luật và quy định tại địa phương.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã kết luận quá trình thực hiện tố tụng của Hội đồng xét xử, các đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị: Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của anh Lương Văn T, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Lương Văn T đã nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, cần chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Lương Văn T: Chị Nguyễn Thị Th1 và anh Lương Văn T có 01 con chung là cháu Lương Minh Th2, sinh ngày 23/01/2014. Chị Th1 và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Minh Th2. Tuy nhiên xét thấy con chung đã trên 36 tháng tuổi, đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng ổn định, phát triển khỏe mạnh, bình thường; anh T là người có việc làm, có thu nhập và nơi ở ổn định, có đủ các điều kiện để nuôi con chung. Trong khi đó chị Th1 không có nơi ở và việc làm ổn định, hiện tại chị đã vào miền nam để sinh sống và làm ăn, Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung cho chị Th1 nuôi dưỡng là không có căn cứ, không phù hợp với thực tế cuộc sống. Vì vậy cần sửa bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung, giao con

chung Nguyễn Minh Th2 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh T chưa yêu cầu chị Th1 phải góp cấp dưỡng nuôi con chung nên việc cấp dưỡng nuôi con chưa đặt ra giải quyết. Chị Th1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh Lương Văn T được chấp nhận, nên anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, các điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lương Văn T.

2. Sửa bản án số 45/2017/HNGĐ-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình về phần nuôi con chung.

Giao con chung Lương Minh Th2, sinh ngày 23/01/2014 cho anh Lương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con chưa đặt ra giải quyết. Chị Th1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Anh Lương Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại anh T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004897 ngày 25/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Mạnh Tăng